

BẢNG TÍNH SỐ LIỆU TIỀN NƯỚC KTX NHÀ K2 NĂM 2016

Tháng 1 năm 2016

Số phòng	Số HS ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (11.700*10%)	Thành tiền	Ghi chú
101	8	1.059	1.073	14	12.870	180.180	
102	8	605	615	10	12.870	128.700	
103	0	747	748	1	12.870	12.870	
104	8	521	540	19	12.870	244.530	
105	Phòng trực				12.870	0	
106	8	775	784	9	12.870	115.830	
107	PSHC				12.870	0	
108					12.870	0	
109		522	532	10	12.870	128.700	
110	8	566	574	8	12.870	102.960	
111	8	708	718	10	12.870	128.700	
112	8	524	524	0	12.870	0	
113	8	503	511	8	12.870	102.960	
114	8	401	412	11	12.870	141.570	
201	8	1.198	1.214	16	12.870	205.920	
202	8	1.011	1.025	14	12.870	180.180	
203	8	890	904	14	12.870	180.180	
204	8	915	927	12	12.870	154.440	
205	8	742	752	10	12.870	128.700	
206	8	760	771	11	12.870	141.570	
207	8	798	810	12	12.870	154.440	
208	8	772	780	8	12.870	102.960	
209	8	642	650	8	12.870	102.960	
210	8	536	548	12	12.870	154.440	
211	8	678	683	5	12.870	64.350	
212	8	574	580	6	12.870	77.220	
213	8	682	694	12	12.870	154.440	
214	8	723	735	12	12.870	154.440	
301	8	732	743	11	12.870	141.570	
302	8	616	621	5	12.870	64.350	
303	8	649	660	11	12.870	141.570	
304	8	628	635	7	12.870	90.090	
305	8	605	612	7	12.870	90.090	
306	8	662	672	10	12.870	128.700	
307	PSHC			0	12.870	0	
308				0	12.870	0	
309	8	559	566	7	12.870	90.090	
310	8	551	559	8	12.870	102.960	

311	8	605	617	12	12.870	154.440
312	8	588	594	6	12.870	77.220
313	7	669	679	10	12.870	128.700
314	8	594	603	9	12.870	115.830
401	8	588	598	10	12.870	128.700
402	8	492	500	8	12.870	102.960
403	7	511	521	10	12.870	128.700
404	8	463	473	10	12.870	128.700
405	8	441	450	9	12.870	115.830
406	0	497	504	7	12.870	90.090
407	8	544	549	5	12.870	64.350
408	7	759	770	11	12.870	141.570
409	8	444	452	8	12.870	102.960
410	8	613	624	11	12.870	141.570
411	8	447	451	4	12.870	51.480
412	7	456	463	7	12.870	90.090
413	8	557	574	17	12.870	218.790
414	8	517	522	5	12.870	64.350
501	8	346	347	1	12.870	12.870
502	8	475	486	11	12.870	141.570
503	8	719	729	10	12.870	128.700
504	8	507	521	14	12.870	180.180
505	8	516	525	9	12.870	115.830
506	6	362	371	9	12.870	115.830
507	8	524	533	9	12.870	115.830
508	8	451	458	7	12.870	90.090
509	8	470	482	12	12.870	154.440
510	8	414	426	12	12.870	154.440
511	7	321	333	12	12.870	154.440
512	8	378	386	8	12.870	102.960
513	8	324	332	8	12.870	102.960
514	8	270	273	3	12.870	38.610
Cộng	497			602		7.747.740

(Bảng chữ: Bảy triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn bảy trăm bốn mươi đồng)

PHÒNG QUẢN TRỊ PV TT DV TỔNG HỢP TỔ KÝ TÚC XÁ NGƯỜI ĐỌC SỐ NGƯỜI LẬP
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG PHÓ GIÁM ĐỐC

ThS. Ngô Xuân Hoà ThS. Lê Xuân Hưng Trần Xuân Nam Dương Văn Thanh Trần Thị Hà